

Bản án số: **124/2017/DS-PT**

Ngày: 11-9-2017

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất
và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết.

Các Thẩm phán: 1. Bà Tăng Thị Thúy Nga.

2. Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2016/TLPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2016, về việc: “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2016/DS-ST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn L, Chính L), sinh năm 1925; Địa chỉ: Số , ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông C: Ông Trần Minh K, sinh năm 1970, theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2017. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1930. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Võ Văn Út Bích C, sinh năm 1974. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn H – Luật sư cộng tác viên pháp lý (có mặt) và ông Trần Ngọc Thanh P – Trợ giúp viên pháp lý (vắng mặt) của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1952. (có mặt)

3.2. Bà Võ Thị A, sinh năm 1958. (có mặt)

3.3. Bà Võ Thị L, sinh năm 1960. (có mặt)

3.4. Ông Võ Văn U (U Bự), sinh năm 1967. (có mặt)

3.5. Ông Võ Văn Út N, sinh năm 1972 (vắng mặt), ông N ủy quyền cho Ông Võ Văn Út Bích C, theo Giấy ủy quyền ngày 25/8/2017.

3.6. Võ Văn Út Bích C, sinh năm 1974. (có mặt)

3.7. Bà Đào Thị T, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Ông Võ Văn G, sinh năm 1975; Địa chỉ: Trung đoàn bộ binh X, sư đoàn bộ binh Y, Quân khu Z, C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.9. Ông Võ Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ban Quản lý rừng phòng hộ T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3.10. Bà Võ Thị Kiều Mai L, sinh năm 1973; Bà Lý ủy quyền cho Ông Võ Văn Út Bích C, theo Giấy ủy quyền ngày 25/8/2017.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: ông Trần Văn U – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954; (có mặt)

4.3. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1951; (có mặt)

4.4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1948; (có mặt)

4.5. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1936; (vắng mặt)

4.6. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952; (có mặt)

4.7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1945; (vắng mặt)

4.8. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4.9. Ông Bùi Minh H, sinh năm 1962; (vắng mặt)

4.10. Ông Quách Văn U, sinh năm 1948; (vắng mặt)

4.11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935; (có mặt)

4.12. Ông Võ Văn H, sinh năm 1955; (vắng mặt)

4.13. Bà Trần Thị U, sinh năm 1949; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của vợ chồng ông Võ Văn N và Bà Trần Thị T. Khoảng năm 1959, ông C với vợ chồng Bà Trần Thị T (chồng là Võ Văn N – đã chết) có thỏa thuận trao đổi đất với nhau. Ông C giao cho bà T 01 công đất tằm cây (tương đương 1.300m²) đất tốt để gieo mạ và ngược lại bà T giao cho ông C 1,5 công tằm cây (tương đương 1.950m²) đất xấu hơn để làm chỗ ở. Sau khi nhận đất đổi, ông C lên một nền thổ cư để ở và trồng cây lâu năm khác với diện tích khoảng 300m², phần diện tích còn lại để trồng lúa. Ông C sử dụng đất này liên tục từ năm 1959 đến năm 1985 thì khi Nhà nước có chủ trương liền canh, liền cư, gia đình bị Nhà nước cắt toàn bộ diện tích đất (khoảng 06ha) ở ấp T và C, xã T, trong đó có phần đất 1.950m² (đất đang tranh chấp). Sau khi bị cắt đất, ông C đưa gia đình về nhận đất mới tại ấp T, xã T canh tác. Năm 1989, có chủ trương trả lại đất gốc, ông C trả toàn bộ đất ở ấp T và về nhận lại toàn bộ đất ở ấp T và C, xã T, trong đó có thửa đất 357, diện tích 1.950m² (đất đang tranh chấp). Ông C canh tác đến năm 1992 thì ông Võ Văn N (chồng bà T) ra ngăn cản, hai bên phát sinh tranh chấp và được chính quyền địa phương giải quyết bằng Quyết định số 46/QĐ.UBX.9 ngày 22/06/1992 của Ủy ban nhân dân xã T, với nội dung giao quyền sử dụng đất cho ông C. Sau khi có quyết định, ông C sử dụng được vụ mùa năm 1992 thì bà T đến gặp ông C thương lượng hỏi mượn phần đất này để canh tác sinh sống.

Nguyên nhân bà T mượn đất là do nhà đông con, ít đất và thỏa thuận khi nào khá giả thì bà sẽ sang nhượng đất này theo giá thị trường do ông C ấn định. Mặt khác, do đất bị nhiễm phèn, mặn, năng suất thấp và lại gần nhà bà T nên bị gia cầm phá, thu hoạch không có bao nhiêu; Đồng thời nếu canh tác khả năng xảy ra xô xát không tránh khỏi và gia đình bà T thật sự khó nên ông C đồng ý cho bà T mượn đất để canh tác. Năm 2013, gia đình bà T khá giả nên ông C có trao đổi với bà T về phần đất mượn trước đây nhưng thấy bà T không có khả năng trả theo giá thị trường và bà có công cải tạo đất nên ông C yêu cầu trả giá trị là 30.000.000 đồng, bà T đồng ý nhưng đến hẹn lại không thực hiện. Nay ông C yêu cầu bà T trả phần đất nêu trên.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như sau: Bị đơn không bao chiếm hay mượn đất của ông C. Từ xưa đến nay vợ chồng bị đơn bà T có tài sản là đất trồng lúa và thổ cư với tổng diện tích là 20.100m², tại thửa 318 và 358, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/08/1997, đây là toàn bộ đất gốc của gia đình. Riêng thửa 358 thì năm 1965, vợ chồng bị đơn có cho ông Nguyễn Văn C mượn để ở tạm và năm 1968, nhà của hai gia đình đều bị cháy (do chiến tranh) nên ông C trả lại nền nhà để về ở C1. Năm 1975, con trai bị

đơn hy sinh nên gia đình bị đơn mới cùng nhau quay về sinh sống tại nền nhà cũ (ấp T).

Năm 1980, ông C ngang nhiên đem mạ vô cây thì gia đình bị đơn ngăn cản, sự việc được chính quyền địa phương giải quyết, người đứng ra giải quyết là ông Bùi Minh H (Sáu H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T). Kết quả buộc ông C trả lại đất cho bị đơn và động viên bị đơn trả lúa cho ông C gọi là công bồi đắp và bị đơn đã trả cho ông C, do con ông C tên O là người đến nhận 30 gia lúa có sự chứng kiến của bà Trần Thị U ở cùng ấp T, còn đất thì bị đơn sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 2012, bị đơn đi tách bằng khoáng cho các con thì phát hiện ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đất được bị đơn cho mượn trước đây và theo giấy tờ thể hiện đất tranh chấp thuộc thửa 357, tờ bản đồ số 3. Trên phần đất của bị đơn mà ông C được cấp giấy đã được chôn con trai liệt sĩ là Võ Văn H và chồng bị đơn là Võ Văn N. Đối với Quyết định số 46/QĐ.UBX.9 ngày 22/06/1992 của Ủy ban nhân dân xã T được ban hành vi phạm về hình thức, thẩm quyền giao đất theo quy định tại Điều 13 Luật đất đai 1987; đồng thời quyết định này là quyết định không, bị đơn hoàn toàn không biết gì về quyết định này, cũng không có nhận được quyết định. Do đó, bị đơn bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi đất của ông C và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bị đơn được giữ nguyên diện tích đất tranh chấp tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C số B627516 ngày 10/02/1993, tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, diện tích 1.950m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Võ Văn Út Bích C trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà T (mẹ ông), trên phần đất tranh chấp có nhà, cây trồng cây lâu năm và chuồng heo được sử dụng ổn định từ năm 1999 cho đến nay. Trong thời gian sử dụng thì vào năm 2014 ông có tiến hành sửa chữa nhà và xây thành nhà kiên cố, quá trình sử dụng đất từ cha, mẹ ông rồi đến ông là ổn định. Do đó, ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông C và yêu cầu Tòa án ổn định phần đất này cho mẹ ông; Đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C ngày 10/02/1993, tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, diện tích 1.950m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà Ông Võ Văn Út Bích C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày: Diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà là ông Võ Văn N và Bà Trần Thị T, trên phần đất tranh chấp hiện nay có phần mộ của chồng bà tên Võ Văn H chôn năm 2014. Bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông C, Tòa án ổn định phần đất này cho mẹ bà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, diện tích 1.950m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị A, Võ Thị L, ông Võ Văn U (U Bự), Võ Văn G trình bày: Các ông bà có cùng ý kiến là phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ là ông Võ Văn N và Bà Trần Thị T, hiện nay trên phần đất có 01 nền mộ, trong nền mộ có 02 ngôi mộ của ông Võ Văn N và Võ Văn H. Các ông, bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông C, yêu cầu Tòa án ổn định

phần đất này cho mẹ ông bà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều Mai L, ông Võ Văn N trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Thị N, Bà Trần Thị T.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2016/DS-ST ngày 19/7/2016 đã quyết định như sau:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 17, Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về buộc Bà Trần Thị T giao trả 1.897m² đất và cho tặng 37m² đất (1.934m²) tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Trần Thị T:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B627516 ngày 10/02/1993 của UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã cấp cho ông Nguyễn Văn C tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, diện tích 1.950m² đất, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Ổn định cho Bà Trần Thị T sử dụng diện tích 1.934m² đất thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đất có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa 319 có số đo 42m.

Hướng tây giáp bờ kênh xáng có số đo 45m.

Hướng nam giáp thửa 319 có số đo 51m.

Hướng bắc giáp thửa 319 có số đo 39m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2016, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, buộc bị đơn trả lại phần đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn trình bày về nguồn gốc đất thì nguyên đơn ông C đã thừa nhận đất của bị đơn bà T, về đổi đất thì ông C không chứng minh được mà là bà T cho ông C mượn đất ở, tất cả các nhân chứng đều cho rằng không có việc đổi đất. Đối với Quyết định số 46 thì không đúng thẩm quyền, không thể hiện diện tích, tọa lạc ở đâu. Về quá trình đăng ký quyền sử dụng đất thì thể hiện cấp đại trà, không xác minh đo đạc. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông C.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2016/DS-ST, ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Đào Thị T, Võ Văn G, Võ Văn N, người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Ngọc Thanh P và một số người làm chứng Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H, Bùi Minh H, Quách Văn U, Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng có tên nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn Bà Trần Thị T trả đất diện tích 1.897m² tại thửa số 357, tờ bản đồ 03, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B627516 ngày 10/02/1993 do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn C. Bị đơn Bà Trần Thị T không đồng ý vì phần đất này là của gia đình bà T đã quản lý, sử dụng đất ổn định. Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông C, thì thấy về nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng ông Võ Văn N và Bà Trần Thị T vì chính ông C thừa nhận nên đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông C cho rằng khoảng năm 1959 vợ chồng bà T có đổi đất với ông C nhưng bà T không thừa nhận. Qua xác minh những người làm chứng thể hiện lời khai của ông Nguyễn Văn D ngày 24/7/2015 (bút lục 77): “...Tôi là người địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà T. Ông Nguyễn Văn C là người địa phương khác đến năm 1960, năm 1965 ông C có hỏi ông ông N ở nhờ trên nền nhà của gia đình bà T,... đến năm 1966 giặc đốt cháy nhà hết nên ông C về ở ấp khác.... ông C không ngăn cản gì khi bà T sử dụng đất...”, lời khai ngày 24/7/2015 của ông Nguyễn Văn P (bút lục 79) thể hiện: “...tôi ở nhờ nền nhà bà T năm 1963, sang năm 1964 tôi đi, thời gian này tôi không thấy ông C và bà T đổi đất...”, lời khai ngày 24/7/2015 của ông Quách Văn U (bút lục 80): “...Tôi là người địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất của gia đình bà T, có 01 cái nền nhà của ông C, hiện nay trên nền nhà có hai cái mộ của con và chồng bà T....”, lời khai ngày 24/7/2015 của ông Nguyễn Văn T (bút lục 81) thể hiện: “...Tôi là người

địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà T. Ông Nguyễn Văn C là người địa phương khác đến năm 1959, năm 1960, ông C có hỏi ông N ở nhờ trên nền nhà của gia đình bà T..., hiện nay trên nền nhà có hai cái mộ của chồng và con bà T... ông C không ngăn cản gì khi bà T sử dụng đất...”; lời khai ngày 24/7/2015 của ông Nguyễn Văn C (bút lục số 83): “..Tôi là người địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà T. Gia đình bà T sử dụng từ xưa tới nay, trên đất có cái nền nhà hiện nay có hai cái mộ của chồng và con của bà T, tôi không nghe có việc đổi đất...”; lời khai ngày 24/7/2015 của ông Nguyễn Văn H (bút lục 84): “...năm 1975 tôi về ở cặp đất bà T, tôi có nghe nói cái nền nhà là của ông C hiện nay trên nền có hai cái mộ, còn việc sang bán tôi không rõ...”; lời khai ngày 24/7/2015 của ông Nguyễn Văn N (bút lục 85): “...Tôi là người địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà T. Trên đất có 01 cái nền nhà hiện nay trên nền nhà có 02 cái mộ. Khi bà T sử dụng đất không thấy ông C qua ngăn cản...”, lời khai ngày 24/7/2015 của bà Trần Thị U (bút lục 86) thể hiện: “...Tôi là người địa phương từ xưa đến nay, tôi biết phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà T. Ông Nguyễn Văn C là người địa phương khác đến năm 1960, năm 1965 ông C có hỏi ông N ở nhờ trên nền nhà của gia đình bà T..., đến năm 1966 giặc đốt cháy nhà hết nên ông C về ở ấp khác.... ông C không ngăn cản gì khi bà T sử dụng đất...”. Với lời trình bày này không thể hiện việc có đổi đất giữa ông C với vợ chồng bà T.

[3] Về quá trình quản lý, sử dụng đất thì mặc dù nguyên đơn có sử dụng từ khoảng năm 1959 đến trước năm 1970 để ở và trồng lúa nhưng vấn đề nguyên đơn đặt ra việc trao đổi đất thì không có chứng cứ. Sau năm 1970, ông C không còn quản lý, sử dụng phần đất này mà gia đình bị đơn bà T sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, có phát sinh tranh chấp đất giữa ông C với bà T đã được giải quyết bằng Quyết định số 46/QĐ.UBX.9 ngày 22/06/1992 của Ủy ban nhân dân xã T nhưng Quyết định số 46 không được thi hành trong thực tế và bị đơn bà T vẫn là người sử dụng đất công khai, liên tục trong khoảng thời gian dài. Quá trình bị đơn sử dụng đất, trên đất hiện nay có 02 ngôi mộ cùng nhà kiên cố, cây trồng nhưng không có sự ngăn cản, khiếu kiện của ông C.

[4] Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mặc dù ông C được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B627516 ngày 10/02/1993, nhưng khi cấp giấy thì bị đơn bà T đã sử dụng ổn định và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cho ông C đã vi phạm Khoản 4 Điều 12 Luật Đất đai năm 1987, tức là khi giao đất cho ông C thì phải có quyết định thu hồi đất từ bà T. Tại Công văn số 374/UBND-VP ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T thể hiện là đất đăng ký đại trà, không kiểm tra, xác minh, đo đạc và đã bị thất lạc hồ sơ đăng ký. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cho ông C như trên là không đảm bảo, không phù hợp với pháp luật.

[5] Về hiện trạng đất tranh chấp thì theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/8/2015 của Tòa án cấp sơ thẩm, thể hiện trên đất tranh chấp có nhà kiên cố, chuồng heo, 02 mã, cây ăn trái nhưng trong quá trình bị đơn bà T sử dụng, ông C không phản đối.

Từ những cơ sở nêu trên, cho thấy kháng cáo của nguyên đơn ông C là không có căn cứ, không được chấp nhận. Đề nghị của vị Kiểm sát viên và của người bảo vệ quyền, lợi hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông C sinh năm 1925, là người cao tuổi nên theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên nguyên đơn ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2016/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bị đơn Bà Trần Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về buộc Bà Trần Thị T giao trả 1.897m² đất và cho tặng 37m² đất (1.934m²) tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Bà Trần Thị T:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B627516 ngày 10/02/1993 của UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã cấp cho ông Nguyễn Văn C tại thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, diện tích 1.950m² đất, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Ổn định cho Bà Trần Thị T sử dụng diện tích 1.934m² đất thửa 357, thuộc tờ bản đồ số 03, loại đất T+LNK, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau:

- + Hướng đông giáp thửa 319 có số đo 42m;*
- + Hướng tây giáp bờ kênh xáng có số đo 45m;*
- + Hướng nam giáp thửa 319 có số đo 51m;*
- + Hướng bắc giáp thửa 319 có số đo 39m.*

3. Các vấn đề khác:

- Về tiền chi phí định giá: Ông Nguyễn Văn C phải chịu là 850.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp, ông C đã nộp xong và được hoàn lại số tiền tạm ứng còn dư là 400.000 đồng theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nhận tại Tòa án nhân dân huyện T).

- Về tiền án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu là 200.000 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.568.750 đồng theo biên lai thu số 005137 ngày

23/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông Nguyễn Văn C đã nộp xong và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 2.368.750 đồng.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2/. Án dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C không phải chịu, ông C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0002176 ngày 05/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Thái Rết